

Quyên tư vấn quận Chikusa và số điện thoại

ちくさくやくしよ そうだんまどくち でんわばんごう
千種区役所の相談窓口と電話番号

Phòng Dân sinh Trẻ em

みんせい こども か
民生子ども課

052-753-1873

Trung tâm Y tế Cộng đồng

ほけん せん たー
保健センター

052-753-1951

Phòng Công dân

しみん か
市民課

052-753-1895

Phòng bảo hiểm sức khỏe -Bảo hiểm hưu trí

ほけん ねん きん か
保険年金課

052-753-1904

Phòng phúc lợi

ふく し か
福祉課

052-753-1844

【Yêu cầu】Khi gọi điện cho Toà thị chính, xin vui lòng gọi đến cùng người biết nói tiếng Nhật.

ねが くやくしよ でんわ にほんご はな ひと いっしょ
【お願い】区役所へ電話するときは 日本語が話せる人と一緒にしてください。

Tại quầy tư vấn của Toà thị chính quận Chikusa, có thể hỗ trợ
phiên dịch qua máy tính bảng. Khi gặp khó khăn, hãy đến
Toà thị chính để được hỗ trợ tư vấn.



ちくさくやくしよ まどくち たぶれっとたんまつ つか つうやく
千種区役所の窓口では タブレット端末を使って 通訳できます。

こま ちくさくやくしよ そうだん き
困ったときは 千種区役所に相談に来てください。



Hướng dẫn hỗ trợ nuôi dạy trẻ quận Chikusa 【Bản tiếng Việt】

Phát hành tháng 3 năm 2021

Nơi phát hành : Phòng Dân sinh Trẻ em Toà thị chính quận Chikusa,
thành phố Nagoya

千種区子育て応援ガイド【ベトナム語版】

2021年3月発行

発行 : 名古屋市千種区役所民生子ども課

Quận Chikusa

Hướng dẫn hỗ trợ nuôi dạy trẻ

ちくさくこがた おう えん
千種区子育て応援ガイド
【ベトナム語版】



Tài liệu "Hướng dẫn hỗ trợ nuôi dạy trẻ quận Chikusa" hướng dẫn cụ thể hai mục ①～②

① Những thông tin và chế độ hỗ trợ nuôi dạy trẻ

② Nơi có thể xin tư vấn khi gặp rắc rối về nuôi dạy trẻ

Để biết thêm chi tiết, xin hãy đến Toà thị chính của Quận và hỏi chúng tôi.



Các bước nuôi dạy trẻ 子育てのステップ

Bước 1 Trước khi em bé được sinh ra

あか うちょう
赤ちゃんが生まれるまで

1 Nhận Sổ tay sức khoẻ mẹ
và bé (Boshi techo)

ほしけんこうてちょう ほし てちょう
母子健康手帳(母子手帳)をもらう

P.03

2 Tham gia kiểm tra sức
khỏe thai phụ

にんぶけんこうしんさ う
妊婦健康診査を受ける

P.03

3 Làm thủ tục nhận tiền trợ
cấp sinh con

しゅつさんいくじいちきん てつづ
出産育児一時金の手続きをする

P.04

4 Sử dụng dịch vụ giúp việc
trước và sau sinh

さんぜんさんこ じぎょうりよう
産前・産後ヘルプ事業を利用する

P.04

Bước 2 Sau khi em bé được sinh ra

あか うちょう
赤ちゃんが生まれてから

5 Nộp đơn đăng ký khai sinh

しゅつしょうとけだ
出生届を出す

P.05

6 Nộp thông báo đã sinh

しゅつせいほうこくだ
出生報告を出す

P.05

7 Làm thủ tục bảo hiểm y tế

けんこうほけん てつづ
健康保険の手続きをする

P.05

8 Làm thủ tục trợ cấp chi phí
y tế cho trẻ em

こ いりょうひ じょうせいでつづ
子ども医療費の助成の手続きをする

P.06

9 Làm thủ tục trợ cấp trẻ em

しどうてあて てつづ
児童手当の手続きをする

P.06

10 Làm thủ tục tại Đại sứ
quán và
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

たいしかん しゅつにゅうこくざいりゅうかんりきよく
大使館や出入国在留管理局で

てつづ
手続きをする

P.06

Bước 3 Sức khỏe của Trẻ em

こ けんこう
子どもの健康

11 Tham gia kiểm tra sức khỏe
cho trẻ nhỏ

にゅうようじ けんこうしんさ う
乳幼児の健康診査を受ける

P.07

12 Thăm trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ

しんせいじ にゅうじ ほうもん
新生児・乳児訪問

P.07

13 Tiêm phòng

よほうせつしゅ う
予防接種を受ける

P.08

14 Tìm các cơ sở y tế cấp cứu
vào Ngày lễ / Đêm

きゅうじつ やかん きゅうひょうしんりょう さが
休日・夜間の急病診療を探す

P.08

Bước 4 Hỗ trợ và tư vấn nuôi dạy trẻ em

こ そだ し えん そうだん
子育て支援・相談

15 Thăm trẻ sơ sinh

あか ほうもん
赤ちゃん訪問

P.09

16 Nhận PIYOKA

びよかをもらう

P.09

17 Hỏi về các hỗ trợ cho
gia đình đơn thân

おやかてい しえん
ひとり親家庭のための支援をきく

P.10

18 ① Tư vấn về sự phát triển
và khuyết tật của trẻ em

② Hỗ trợ cho trẻ em
khuyết tật

③ 子どもの発達や障害のことをきく

④ 障害のある子の支援

P.10

19 Tư vấn cho phụ nữ

じょうせいそうだん
女性相談

P.10

Bước 5 Gửi trẻ

こ あず
子どもを預ける

Khi bạn muốn gửi trẻ
hàng ngày

まいにちあず
毎日預けたいとき

P.11-12

20 Gửi ở nhà trẻ

ほいくえん あず
保育園に預ける

P.12

21 Gửi ở trường mẫu giáo

ようちえん あず
幼稚園に預ける

P.12

Khi bạn muốn gửi trẻ
tạm thời

いちじてき あず
一時的に預けたいとき

P.13

22 Sử dụng cơ sở giữ trẻ
tạm thời

いちじほいく りよう
一時保育を利用する

P.13

23 Chuẩn bị cho việc nhập
học trường tiểu học

しょうがっこうにゅうがく じゅんび
小学校入学の準備をする

P.14

Nơi có thể tư vấn
相談できるところ

Quầy tư vấn chung về
nuôi dạy con cái
(Trung tâm hỗ trợ toàn diện
cho gia đình có trẻ em)

こ そだ そうごうそうだんまどくち
子育て総合相談窓口

こ そだ せだいほうかつしえん
(子育て世代包括支援センター)

Những việc có thể tư vấn
相談できること

Thẻ chất cho đến khi sinh em bé

あか うちょう
赤ちゃんが生まれるまでのからだのこと

Thẻ chất của em bé

あか
赤ちゃんのからだのこと

Chuyện nuôi dạy con cái

こ そだ
子育てのこと

Khi gặp khó khăn trong
việc nuôi dạy con cái,
xin vui lòng gọi điện!

こ そだ こま
子育てで困ったときは
でんわ
電話してください!

SDT
専用電話

052-757-7033



ちくさくこそだ おうえん
「千種区子育て応援ガイド」には 次の①～②のことが 書いてあります。

①あなたの子育てを支援する 制度や情報

②あなたが子育てで困ったときに 相談できるところ

くわしいことが知りたいときは 区役所に来て 聞いてください。

Bước 1 Trước khi em bé được sinh ra

赤ちゃんが生まれるまで

1 Nhận Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

Sau khi phát hiện có thai hãy đến kiểm tra tại bệnh viện và nhận "Thông báo mang thai" (ninshin todokedesho).

Nộp "Thông báo mang thai" cho Trung tâm Y tế Cộng đồng.

Sau khi nộp "Thông báo mang thai", bạn sẽ nhận được "Sổ tay sức khỏe mẹ và bé" và Quyền đính kèm "Vì sức khỏe mẹ và bé" (đính kèm Sổ tay sức khỏe mẹ và bé)" từ Trung tâm Y tế Cộng đồng.

Bạn sẽ được tư vấn với nhân viên y tế cộng đồng khi nhận sổ tay này.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

母子健康手帳(母子手帳)をもらう

赤ちゃんがおなかにいることがわかったら 病院で診察を受けて『妊娠届出書』をもらいます。

『妊娠届出書』は 保健センターに出します。

『妊娠届出書』を出したら 保健センターから『母子健康手帳』と『母と子の健康のために(母子健康手帳別冊)』をもらいます。

この手帳をもらうとき 保健師などに 相談できます。

きくところ ▶ 保健センター



- * Viết về thể chất của mẹ và em bé おかあさんと赤ちゃんのからだのことを書きます
- * Hãy mang theo khi đi khám tại bệnh viện 病院に行くときは持って行きます



2 Đi kiểm tra sức khỏe phụ nữ mang thai (khám thai)

Bệnh viện sẽ khám sức khỏe cho mẹ bầu.

Khi đưa "Phiếu khám" (Jushin-hyo)" trong Quyền đính kèm "Vì sức khỏe mẹ và em bé" (đính kèm Sổ tay sức khỏe mẹ và em bé) cho bệnh viện, bạn có thể nhận được hỗ trợ chi phí khám thai.

Có thể dùng 14 lần cho đến khi em bé ra đời.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

妊婦健康診査(妊婦健診)を受ける

赤ちゃんがおなかにいるおかあさんは からだの調子を 病院でみてもらいます。

『母と子の健康のために(母子健康手帳別冊)』のなかの『受診票』を 病院に出すと 妊婦健康診査の費用の助成を 受けることができます。

赤ちゃんが生まれるまで 14回受けることができます。

きくところ ▶ 保健センター



3 Làm thủ tục nhận tiền trợ cấp sinh con

Những người tham gia bảo hiểm y tế có thể nhận được tiền khi sinh con.

Địa điểm liên hệ ▶ Nếu đang tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia (Koku-ho) hãy hỏi tại Phòng Bảo hiểm sức khỏe - Bảo hiểm lương hưu (Hoken Nenkin Ka) tại toà thị chính

Nếu đang tham gia bảo hiểm y tế của công ty, hãy hỏi thêm chi tiết tại công ty

出産育児一時金の手続きをする

健康保険に入っている人は 赤ちゃんをうんだとき お金をもらうことができます。

きくところ ▶ 国民健康保険(国保)に入っている人は 区役所保険年金課
会社の健康保険(社保)に入っている人は 会社



4 Sử dụng dịch vụ giúp việc trước và sau sinh (yêu cầu người trợ giúp đến nhà)

Trong thời gian mang thai và sau khi sinh em bé, khi mệt mỏi mẹ có thể nhờ dịch vụ người giúp việc và trông trẻ tại nhà.

Không thể yêu cầu đột ngột. Vui lòng hẹn trước.

Phí ▶ Có phát sinh

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

産前・産後ヘルプ事業を利用する(ヘルパーに家に来てもらう)

赤ちゃんがおなかにいるおかあさんや赤ちゃんをうんだおかあさんが からだの調子が変わるとき 家事や育児の手伝いをしてくれるヘルパーに 家に来てもらうことができます。

急に来てもらうことはできません。事前にたのんでください。

料金 ▶ あり

きくところ ▶ 区役所民生活ども課



Bước 2 Sau khi em bé được sinh ra 赤ちゃんが生まれてから

5 Đăng ký khai sinh (Thông báo cho toà thị chính biết em bé đã ra đời)

Khi em bé ra đời, làm thủ tục “Đăng ký khai sinh” (Shussei Todoke) tại toà thị chính. Hoàn thành thủ tục trong vòng 14 ngày kể từ ngày em bé sinh ra. Quyết định tên của em bé trước khi nộp “Đơn đăng ký khai sinh”.

Giấy tờ cần thiết ▶ ① Giấy chứng sinh (Shussei Shoumeisho)
(nhận tại bệnh viện sinh em bé)
② Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Công dân (Shimin Ka)

※Khi cần làm thủ tục ở mục ⑩, bạn sẽ nhận “Giấy chứng nhận đã thụ lý đơn đăng ký khai sinh” và “Phiếu cư trú” có thông tin của em bé.

出生届を出す(赤ちゃんが生まれたことを 区役所に知らせる)

赤ちゃんが生まれたら 区役所に『出生届』を出します。

赤ちゃんが生まれてから 14日以内にします。

『出生届』を出すまでに 赤ちゃんの名前を決めます。

もちもの ▶ ①出生証明書(赤ちゃんをうんだ病院でもらいます) ②母子健康手帳

きくところ ▶ 区役所市民課

※ ⑩の手続きが必要とき 「出生届受理証明書」と赤ちゃんがのっている「住民票」をもらいます。

6 Gửi Thông báo đã sinh (Shussei Hokoku) (Thông báo cho Trung tâm Y tế Cộng đồng biết em bé đã ra đời)

Khi em bé ra đời, hãy gửi “Thông báo đã sinh” (Shussei Hokoku) có trong cuốn “Vì sức khỏe mẹ và em bé (Quyển đính kèm sổ tay sức khỏe mẹ và em bé)

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

出生報告を出す(赤ちゃんが生まれたことを 保健センターに知らせる)

赤ちゃんが生まれたら 保健センターに『母と子の健康のために(母子健康手帳別冊)』のなかの『出生報告』(はがき)を出します。

きくところ ▶ 保険センター

7 Làm thủ tục bảo hiểm y tế (nhận thẻ bảo hiểm y tế của em bé)

Khi em bé ra đời, em bé sẽ tham gia bảo hiểm y tế mà cha mẹ đang tham gia.

Nếu tham gia bảo hiểm, bạn có thể nhận được “thẻ bảo hiểm” cho con.

Địa điểm liên hệ ▶ Nếu đang tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia (Koku-ho) hãy hỏi tại
Phòng Bảo hiểm sức khỏe - Bảo hiểm hưu trí (Hoken nenkin ka) tại
toà thị chính
Nếu đang tham gia bảo hiểm y tế của công ty, hãy hỏi thêm chi tiết
tại công ty

健康保険の手続きをする(赤ちゃんの『保険証』をもらう)

赤ちゃんが生まれたら 赤ちゃんを親が入っている健康保険に入れます。保険に入ると 赤ちゃんの『保険証』をもらうことができます。

きくところ ▶ 国民健康保険(国保)に入っている人は 区役所保険年金課
会社の健康保険(社保)に入っている人は 会社

8 Làm thủ tục xin trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em (nhận "Phiếu hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em (kodomo iryousho)

Sau khi em bé ra đời, bạn sẽ nhận được “Phiếu hỗ trợ chi phí y tế dành cho trẻ em (kodomo iryousho)” tại toà thị chính.

Khi đưa trẻ đến khám tại bệnh viện, bạn sẽ không phải trả phí nếu mang theo thẻ bảo hiểm và “Phiếu hỗ trợ chi phí y tế dành cho trẻ em (kodomo iryousho)” (đã đề cập tại phần ⑦).

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính, Phòng Bảo hiểm sức khỏe - Bảo hiểm hưu trí (Hoken nenkin ka)

子ども医療費の助成の手続きをする(『子ども医療証』をもらう)

赤ちゃんが生まれたら 区役所で『子ども医療証』をもらいます。

子どもが病院に行くとき ⑦の『保険証』と『子ども医療証』を病院に持って行くと お金をはらう必要がありません。

きくところ ▶ 区役所保険年金課

9 Làm thủ tục nhận trợ cấp nuôi con

Những người đang nuôi dạy con cái trước tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở có thể nhận được tiền trợ cấp nuôi con

Hãy xác định số tiền được trợ cấp tại toà thị chính.

Thủ tục phải được hoàn thành tại toà thị chính trong vòng 15 ngày kể từ ngày sau ngày em bé ra đời.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

児童手当の手続きをする

中学校を卒業するまでの子どもを育てている人は お金をもらうことができます。金額は 区役所に聞いてください。

赤ちゃんが生まれた日のつぎの日から15日以内に 区役所で手続きをします。

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

10 Hoàn tất thủ tục tại Đại sứ quán và Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nếu em bé không phải là công dân Nhật Bản nhưng vẫn tiếp tục sống tại đây, hãy tiến hành I và II.

I Làm thủ tục xin tư cách lưu trú cho em bé (làm "Thẻ ngoại kiều" cho em bé)

Mang theo “Giấy chứng nhận đã thụ lý đơn đăng ký khai sinh” (Shussei Todoke Juri Sho) và “Phiếu cư trú” (Zyuminhyou) có thông tin của em bé.

※ Khi làm thủ tục ⑤, bạn sẽ nhận được tại toà thị chính.

Vui lòng hỏi thêm Cục quản lý xuất nhập cảnh để biết thêm chi tiết.

II Hoàn tất các thủ tục về quốc tịch cho em bé (thông báo cho nước bạn biết rằng em bé đã được sinh ra)
Vui lòng hỏi thêm Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán để biết thêm thông tin chi tiết.

大使館や出入国在留管理局で手続きをする

赤ちゃんが日本国籍でなく 引き続き日本に住むときは 次のI・IIをします。

I 赤ちゃんの在留資格の手続きをする(赤ちゃんの「在留カード」をもらう)。「出生届受理証明書」と赤ちゃんがのっている「住民票」を持って行きます。※⑤のとき 区役所でもらいます。くわしいことは 出入国在留管理局に聞いてください。

II 赤ちゃんの国籍の手続きをする(本国に赤ちゃんが生まれたことを知らせる)。くわしいことは 大使館か領事館に聞いてください。



Bước 3 Sức khỏe của Trẻ em

子どもの健康

11 Tham gia khám sức khỏe cho trẻ

Kiểm tra sức khỏe cho trẻ từ 1 tháng đến 3 tuổi tại thời điểm được chỉ định.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

乳幼児の健康診査を受ける

子どもが生まれて1か月から3歳までの決まったときに
子どものからだか健康か調べます。

きくところ ▶ 保健センター



	Khám sức khỏe tổng thể cho trẻ nhỏ		Khám sức khỏe cho trẻ 3 tháng tuổi	Khám sức khỏe cho trẻ 1 tuổi rưỡi	Khám sức khỏe cho trẻ 3 tuổi
Thời điểm khám	Khoảng 1 tháng sau sinh	Khoảng 9 tháng	Khoảng từ 3-5 tháng	1 tuổi 6 tháng đến 1 tuổi 9 tháng	Từ 3 tuổi đến 3 tuổi 3 tháng
Phương thức	Tự đăng ký với bệnh viện		Sẽ có thư gửi đến nhà thông báo ngày tháng đi khám		
Địa điểm	Bệnh viện		Trung tâm Y tế Cộng đồng		
Chi phí	0 yên ※		0 yên		

※ Hãy sử dụng "Phiếu khám" trong cuốn "Vi sức khỏe mẹ và em bé" (Quyển đính kèm Sổ tay sức khỏe mẹ và bé)

	乳児一般健康診査		3か月児健康診査	1歳6か月児健康診査	3歳児健康診査
受けるときのめやす	赤ちゃんが生まれてから1か月ころ	9か月ころ	3か月から5か月ころ	1歳6か月から1歳9か月ころ	3歳から3歳3か月ころ
方法	自分で 病院に申し込む		受ける日にちを知らせる手紙が 家に郵便で届く		
場所	病院		保健センター		
料金	0円 ※		0円		

※『母と子の健康のために(母子健康手帳別冊)』のなかの「受診票」を使ってください。

12 Thăm trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ (nữ hộ sinh hoặc nhân viên y tế cộng đồng đến thăm nhà)

Từ sau khi sinh đến khi bé được khám định kỳ 3 tháng tuổi sẽ có một nữ hộ sinh hoặc y tá sức khỏe cộng đồng đến nhà thăm.

Chúng tôi sẽ thông báo về ngày giờ trước qua điện thoại, v.v.

Nội dung ▶ Kiểm tra cân nặng của em bé.

Có thể xin tư vấn về cách nuôi dạy em bé.

Có thể xin tư vấn về sức khỏe của mẹ cũng như sữa mẹ.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

新生児・乳児訪問(助産師や保健師が家に来る)

赤ちゃんが生まれて3か月児健康診査までに 助産師や保健師が 家に来ます。
日には電話などでお知らせします。

内容 ▶ 赤ちゃんの体重を 測ります。

赤ちゃんの育て方を 相談できます。

おかあさんの体のことや母乳について 相談できます。

きくところ ▶ 保健センター



13 Tiêm phòng (tiêm phòng để tránh bị bệnh)

Đến thời điểm tiêm chủng, Trung tâm Y tế Cộng đồng sẽ gửi thư ("Phiếu tiêm chủng loại miếng dán") cho bạn qua đường bưu điện.

Liên hệ với bệnh viện để hẹn lịch tiêm phòng.

Mang thư ("Phiếu tiêm chủng loại miếng dán") đến bệnh viện để tiêm phòng.

Khi đăng ký "Hướng dẫn tiêm chủng Nagoya (Nagoya Yobosesshu Navi)", bạn có thể kiểm tra danh sách và lịch tiêm chủng.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

予防接種を受ける(病気になるための注射をする)

接種が必要な時期になると 保健センターから 手紙(『シール式接種券』)が 家に郵便で届きます。
病院へ連絡して 予防接種を受ける日を予約します。

手紙(『シール式接種券』)を持って 病院で受けます。

『なごや予防接種ナビ』に登録すると 予防接種の種類や接種スケジュールを 調べることができます。

きくところ ▶ 保健センター

Internet hướng dẫn tiêm chủng Nagoya ▶

なごや予防接種ナビ



14 Tìm các cơ sở y tế cấp cứu vào ngày lễ / đêm

Ⓐ Có thể tìm được các cơ sở y tế khi trẻ bị bệnh hoặc bị thương vào ngày bệnh viện nghỉ tiếp nhận hoặc vào ban đêm.

■ Hướng dẫn cơ sở y tế cấp cứu Aichi (Hệ thống thông tin y tế cấp cứu tỉnh Aichi)

Internet <https://www.qq.perf.aichi.jp>



■ Hướng dẫn fax thoại tự động của các cơ sở y tế hỗ trợ tiếng nước ngoài

SĐT 050-5810-5884

Ⓑ Bạn có thể tra cứu xem với các triệu chứng của trẻ thì có nên đưa trẻ đi bệnh viện khám hay không.

■ Cấp cứu cho trẻ em (Hiệp hội Nhi khoa Nhật Bản)

Internet <http://www.kodomo-qq.jp>



休日・夜間の急病診療を探す

Ⓐ 病院が休みの日や夜に 子どもが病気やけがをしたとき 病院を探すことができます。

■ あいち救急医療ガイド(愛知県救急医療情報システム)

■ 外国語対応可能医療機関の音声FAX自動案内

Ⓑ 子どもの症状から 病院に子どもをつれて行くべきか 調べることができます。

■ こどもの救急(日本小児科学会)



Bước 4 Hỗ trợ và tư vấn nuôi dạy trẻ em

子育て支援・相談



15 Thăm trẻ sơ sinh (tình nguyện viên địa phương sẽ đến nhà thăm)

Sau khi em bé đầu tiên ra đời được khoảng 3 đến 6 tháng, một tình nguyện viên địa phương (Chủ nhiệm Ban trẻ em hoặc nhân viên Ban trẻ em) sẽ đến nhà thăm. Ngày giờ sẽ được thông báo qua thư.

Nội dung ▶ Chia sẻ thông tin hỗ trợ nuôi dạy con cái xung quanh khu vực sống.

Có thể xin tư vấn về những vấn đề khó khăn trong nuôi dạy con cái.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

赤ちゃん訪問(地域のボランティアが家に来る)

初めての赤ちゃんが生まれて3~6か月頃までに 地域のボランティア(主任児童委員・児童委員)が家に来ます。日には 手紙でお知らせします。

内容 ▶ 家の近くの 子育て支援情報を 教えてください。

子育てで困っていることを 相談できます。

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

Chủ nhiệm Ban trẻ em hoặc nhân viên Ban trẻ em là gì?
主任児童委員・児童委員とは？

- ・ Những người có thể tư vấn về việc nuôi dạy con cái 子育てのことを相談できる人
- ・ Những người sống quanh khu vực nhà bạn あなたの家の近くに住んでいる人

16 Nhận thẻ PIYOKA (Thẻ ưu đãi cho gia đình nuôi con)

Khi xuất trình thẻ PIYOKA tại những nơi có dán nhãn như dưới đây có thể nhận được các ưu đãi do cửa hàng quyết định.

Có thể được sử dụng cho các gia đình đang có người mang thai hoặc có trẻ em dưới 17 tuổi.

Thẻ "PIYOKA" nằm trong cuốn "Vì sức khỏe mẹ và bé" (quyển đính kèm Sổ tay sức khỏe mẹ và bé).

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

ぴよか(子育て家庭優待カード)をもらう

下のステッカーのはってあるお店で『ぴよか』を見せると お店が決めたサービスを 受けることができます。赤ちゃんがおなかにいる人や 17歳までの子どもがいる家庭が 使うことができます。『ぴよか』は『母と子の健康のために(母子健康手帳別冊)』のなかにあります。

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

Internet Thẻ PIYOKA
ぴよか



17 Hỏi về các hỗ trợ cho gia đình đơn thân

Những người là cha/mẹ đơn thân có thể xin tư vấn về cuộc sống hoặc công việc với nhân viên toà thị chính.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

ひとり親家庭のための支援を聞く

区役所には ひとり親家庭(父親と子どもだけの家庭または母親と子どもだけの家庭)の人が 生活や仕事のことを相談できる人がいます。

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

18 ① Tư vấn về sự phát triển và khuyết tật của trẻ em

Nếu quan tâm đến sự phát triển thể chất và khuyết tật của trẻ, bạn có thể hỏi tại Trung tâm Y tế Cộng đồng.

Địa điểm liên hệ ▶ Trung tâm Y tế Cộng đồng

② Hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật

Có thể sử dụng các dịch vụ phúc lợi liên quan đến người khuyết tật.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Phúc lợi (Fukushi Ka)

④ 子どもの発達や障害のことを聞く

子どもの 発達や障害について 気になることが あるときは 保健センターで 聞くことが できます。

きくところ ▶ 保健センター

⑤ 障害のある子の支援

障害に関する さまざまな 福祉サービスを 利用することが できます。

きくところ ▶ 区役所福祉課



19 Tư vấn cho phụ nữ

Có nhân viên nữ tại toà thị chính có thể tư vấn những rắc rối về gia đình dành riêng cho phụ nữ. Chúng tôi sẽ giữ bí mật cho bạn.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

女性相談

区役所には 女の人だけが 家族のことで困ったことを 相談できる人(女の人)がいます。

秘密を守ります。

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

Bước 5 Gửi trẻ 子どもを預ける

Khi bạn muốn gửi trẻ mỗi ngày

Có bốn loại hình cơ sở nơi trẻ em có thể được gửi trước khi vào tiểu học.

Phí ▶ Vui lòng hỏi thêm toà thị chính để biết thêm chi tiết.

毎日預けたいとき

小学校に入る前の子どもを 預けることができる施設は 4種類あります。

料金 ▶ くわしくは 区役所に聞いてください。



Cơ sở	Tuổi	Đặc điểm	Giờ gửi trẻ
Trường mẫu giáo (youchien)	3-5 tuổi	• Ai sử dụng cũng được • Trẻ em có thể học tập, vui chơi cùng tập thể	8:45~14:00
Nhà trẻ (hoikusho/hoikuen)	0-5 tuổi	• Đáp ứng điều kiện mới gửi được • Điều kiện là bố mẹ làm việc, v.v. không chăm sóc con ở nhà được	7:30~18:30 (nhiều nhất 11 tiếng)
Vườn trẻ được chứng nhận (nintei kodomo en)	0-5 tuổi	• Vừa chăm sóc, vừa giáo dục trẻ, có đặc điểm của cả trường mẫu giáo lẫn nhà trẻ • Trẻ từ 3-5 tuổi ai cũng có thể sử dụng • Trẻ từ 0-2 tuổi có các điều kiện đầu vào như nhà trẻ	Về mặt giáo dục thì giống trường mẫu giáo, về mặt chăm sóc thì giống nhà trẻ
Cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ	0-2 tuổi	• Giữ trẻ số lượng ít (khoảng 19 người) • Điều kiện như nhà trẻ	Giờ như nhà trẻ

施設	年齢	特徴	預けられる時間
幼稚園	3~5歳	•誰でも 利用できます。 •子どもが 集団で 遊んだり 学んだりします。	8:45~14:00
保育所 (保育園)	0~5歳	•預けるには 条件があります。 •条件は 親が働いているなどで 家で 子どもの世話が できないときです。	7:30~18:30 (最大11時間)
認定こども園	0~5歳	•教育部分と保育部分があり 幼稚園と保育所の両方の特徴があります。 •子どもが3~5歳のときは 誰でも 利用できます。 •子どもが0~2歳のときは 保育所と同じ条件があります。	【教育部分】幼稚園と同じ 【保育部分】保育所と同じ
小規模保育事業	0~2歳	•少ない(19人ほど)人数の子どもを 預かります。 •保育所と同じ条件があります。	保育所と同じ

20 Gửi tại nhà trẻ, vườn trẻ được chứng nhận (phần chăm sóc trẻ em), cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ.

Không thể gửi mà không báo trước.

Phải đăng ký trước tại toà thị chính.

Để quyết định trẻ có được gửi hay không, toà thị chính sẽ hỏi chuyện cha mẹ của bé.

Thời gian đăng ký ▶ ① Khi bạn muốn gửi trẻ từ tháng 4, thời gian đăng ký sẽ là từ tháng 10 đến ngày quy định của tháng 12 năm trước.

② Khi bạn muốn gửi trẻ giữa chừng, thời gian đăng ký là cho đến hết ngày 15 của tháng trước ngày bạn muốn gửi trẻ.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

保育所・認定こども園(保育部分)・小規模保育事業に預ける

急に 預けることは できません。事前に 区役所に 申し込みます。

預けることができるかどうか おとうさんやおかあさんから話を聞いて 区役所が 決めます。

申込時期 ▶ ①4月から預けたいとき 前の年の10月から12月ごろ(決められた日までに)

②途中から預けたいとき 預けたい日の前の月の15日まで

きくところ ▶ 区役所民生子ども課

21 Gửi tại các trường mẫu giáo và vườn trẻ được chứng nhận (phần giáo dục)

Không thể gửi mà không báo trước.

Đăng ký trước, trực tiếp với trường mẫu giáo muốn gửi trẻ.

Thời gian đăng ký ▶ ① Khi bạn muốn gửi trẻ từ tháng 4

Khoảng từ tháng 9 đến tháng 10 năm trước (cho đến ngày được quyết định)

② Khi bạn muốn gửi trẻ giữa chừng
Vui lòng liên hệ với trường mẫu giáo.

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

※Cung cấp số điện thoại của trường mẫu giáo.

幼稚園・認定こども園(幼稚園部分)に預ける

急に 預けることは できません。事前に 直接 預けたい幼稚園に 申し込みます。

申込時期 ▶ ①4月から預けたいとき 前の年の9月から10月ごろ(決められた日までに)

②途中から預けたいとき 幼稚園に 相談してください

きくところ ▶ 区役所民生子ども課 ※幼稚園の電話番号を教えます。



~ Khi muốn gửi trẻ ~ Có thể tham khảo ý kiến với tư vấn viên về vấn đề nhà trẻ (Hoiku Annaibito).
~子どもを 預けたいときは~ 保育案内人(ほいくあんないびと)に 相談できます。

• Toà thị chính có hai tư vấn viên về vấn đề nhà trẻ 区役所には2人の保育案内人がいます

• Tư vấn viên về vấn đề nhà trẻ sẽ cho biết các cơ sở 保育案内人は家庭にあった 施設などを教えてくれます
gửi trẻ phù hợp với điều kiện gia đình, v.v

Bước 5 Gửi trẻ 子どもを預ける

Khi bạn muốn gửi trẻ tạm thời (trong thời gian ngắn)

Khi cha mẹ không thể trông con, có thể gửi con tạm thời (trong một thời gian ngắn) ở nhà trẻ, v.v.

一時的に(短い間)預けたいとき

親が子どもの世話をできないときに 一時的に(短い間) 子どもを 保育園などに預けることができます。

22 Sử dụng cơ sở giữ trẻ tạm thời

Cha mẹ có thể gửi trẻ nếu ở trong các trường hợp từ ①~③ sau đây.

- ① Khi cha mẹ làm việc dưới 3 ngày mỗi tuần
- ② Khi cha mẹ bị bệnh hoặc bị thương
- ③ Khi cha mẹ muốn thay đổi tâm trạng mệt mỏi do chăm sóc con cái.

Địa điểm ▶ 3 cơ sở nhà trẻ và vườn trẻ được chứng nhận tại quận Chikusa

Thời gian nhận trông trẻ ▶ Cùng thời gian với nhà trẻ

Phí ▶ Có

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Dân sinh Trẻ em (Minsei Kodomo Ka)

一時保育を利用する

親が次の①~③のとき 子どもを 預けることができます。

- ①親が 1週間に3日以内の仕事をしているとき
- ②親が 病気やけがのとき
- ③親が 子育てにつかれて気分をかせたいとき

場所 ▶ 千種区内の保育園・認定こども園 3園

預けられる時間 ▶ 保育園と同じ時間

料金 ▶ あり

きくところ ▶ 区役所民生子ども課



Thông tin thêm cho mục 22

- ・ Nếu muốn gửi con đến tối hoặc sáng ngày hôm sau, bạn có thể sử dụng "Dịch" vụ trông trẻ tạm thời khẩn cấp 24 giờ"
- ・ Nếu muốn gửi trẻ bị bệnh, bạn có thể sử dụng "Dịch vụ chăm sóc trẻ em bị bệnh / sau khi bị bệnh"
- ・ Vui lòng liên hệ toà thị chính để biết thêm chi tiết.

22のほかに

- ・ 夜や次の日の朝まで子どもを預けたいときは「24時間緊急一時保育事業」を利用できます。
- ・ 病気の子どもの預けたいときは「病児・病後児デイケア事業」を利用できます。
- ・ くわしくは 区役所に聞いてください。

23 Chuẩn bị cho việc nhập học trường tiểu học

Trẻ sẽ bắt đầu nhập học tiểu học từ tháng Tư, sau khi tròn 6 tuổi.

Trẻ em nước ngoài cũng có thể vào trường tiểu học thành phố Nagoya nếu muốn. Nếu muốn nhập học tại trường tiểu học do thành phố Nagoya lập, hãy thông báo với toà thị chính trước tháng 9.

Lịch trình cho đến khi nhập học ▶

Tháng 10 "Thông báo khám sức khỏe học đường"(thư yêu cầu trẻ em khám sức khỏe để nhập học trường tiểu học) sẽ được gửi đến nhà.

Từ tháng 10 đến tháng 11 Tham gia "Khám sức khỏe học đường"

(Kiểm tra trẻ có sức khỏe hay không)

Tháng 1 "Thông báo đi học" (thư thông báo quyết định trường tiểu học trẻ sẽ nhập học) sẽ được gửi đến nhà.

Tháng 1 đến tháng 2 Tham gia buổi hướng dẫn nhập học (nyugaku setsumeikai) (Tham gia buổi họp tại trường trẻ chuẩn bị nhập học, lắng nghe về việc chuẩn bị khi nhập học).

Tháng tư Tham gia buổi lễ nhập học (Buổi lễ chào mừng trẻ bắt đầu nhập học tiểu học).

Địa điểm liên hệ ▶ Toà thị chính Phòng Công dân (Shimin Ka)



小学校入学の準備をする

小学校は 子どもが6歳になった年の次の4月から 入ります。

外国籍の子どもも希望すれば 名古屋市立の小学校へ 入ることができます。

名古屋市立の小学校に行きたいときは 9月までに 区役所に言います。

入学までの予定 ▶

10月 『就学時健康診断通知書』(子どもが小学校に入るために 健康診断を受けてくださいという手紙)が 家に届きます。

10~11月 『就学時健康診断』(子どもが健康かしらべること)を 受けます。

1月 『就学通知書』(子どもが行く小学校が決まりましたという手紙)が 家に届きます。

1~2月 入学説明会(子どもが行く小学校で 小学校に行くために準備することを聞く会)に 行きます。

4月 入学式(子どもが 小学校に行き始めることを お祝いする会)に 行きます。

きくところ ▶ 区役所市民課

